

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Ban hành Quy chế quản lý các  
nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

**UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND, ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Khoa học - Công nghệ, ngày 09 tháng 6 năm 2000;

Căn cứ Nghị định số 81/2002/NĐ-CP, ngày 17 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ, quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học - Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 13/2004/QĐ-BKHCN, ngày 25 tháng 5 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, về việc ban hành “Quy định đánh giá nghiệm thu đề tài khoa học và công nghệ cấp Nhà nước”;

Căn cứ Quyết định số 01/2005/QĐ-BKHCN, ngày 28 tháng 02 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, về việc ban hành “Quy định đánh giá, nghiệm thu đề tài khoa học xã hội và nhân văn cấp nhà nước”;

Căn cứ Quyết định số 10/2007/QĐ-BKHCN, ngày 11 tháng 5 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, về việc ban hành “Quy định tuyển chọn, xét chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp nhà nước”;

Căn cứ Quyết định số 11/2007/QĐ-BKHCN, ngày 4 tháng 6 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, về việc ban hành “Quy định tuyển chọn, xét chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện đề tài khoa học xã hội và nhân văn cấp nhà nước”;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh tại Tờ trình số 05/TTr-SKHHCN, ngày 20 tháng 01 năm 2009,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh”.

**Điều 2.** Giao cho Giám đốc Sở khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm theo dõi và tổ chức thực hiện Quy chế này.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Các quy định trước đây trái với Quyết định này đều bị bãi bỏ./.

***Nơi nhận:***

- Như điều 3;
- Vụ Pháp chế (Bộ KH&CN);
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh (b/c)
- Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Đắk Lắk (để đưa tin);
- Website tỉnh;
- Lưu: VT, TH (T-100b)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

(đã ký)

**Trần Sỹ Thanh**

## **QUY CHẾ**

### **Quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 08/2009/QĐ-UBND,*

*Ngày 19 /02/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

## **Chương I QUY ĐỊNH CHUNG**

### **Điều 1. Đối tượng và phạm vi điều chỉnh**

1. Quy chế này quy định việc xác định, tổ chức thực hiện và quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ (KH&CN) cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk và được áp dụng cho tất cả các tổ chức, cá nhân khi thực hiện nhiệm vụ KH&CN có sử dụng một phần hoặc toàn bộ kinh phí từ ngân sách sự nghiệp KH&CN của tỉnh.

2. Các nhiệm vụ KH&CN thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chế này bao gồm:

a) Đề tài KH&CN thuộc các chương trình KH&CN cấp tỉnh và các đề tài KH&CN độc lập cấp tỉnh (sau đây gọi chung là Đề tài);

b) Dự án sản xuất thử nghiệm thuộc các chương trình KH&CN cấp tỉnh và các dự án sản xuất thử nghiệm độc lập cấp tỉnh (sau đây gọi chung là Dự án SXTN);

### **Điều 2. Giải thích từ ngữ**

1. Nhiệm vụ KH&CN: là những vấn đề KH&CN cần được giải quyết, được tổ chức thực hiện dưới hình thức đề tài, dự án và chương trình KH&CN.

2. Đề tài: Là nhiệm vụ KH&CN nhằm phát hiện quy luật, mô tả, giải thích nguyên nhân vận động của sự vật, hiện tượng hoặc sáng tạo nguyên lý, những giải pháp, bí quyết, sáng chế,... được thể hiện dưới các hình thức: Đề tài nghiên cứu cơ bản, đề tài nghiên cứu ứng dụng, đề tài triển khai thực nghiệm hoặc kết hợp cả nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng và triển khai thực nghiệm. Đề tài có thể độc lập hoặc thuộc chương trình KH&CN.

3. Dự án SXTN: Là nhiệm vụ KH&CN nhằm ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và triển khai thực nghiệm để thử nghiệm các giải pháp, phương pháp, mô hình quản lý kinh tế - xã hội hoặc sản xuất thử ở quy mô nhỏ nhằm hoàn thiện công nghệ mới, sản phẩm mới trước khi đưa vào sản xuất và đời sống. Dự án SXTN có thể độc lập hoặc thuộc chương trình KH&CN.

4. Chương trình KH&CN: Là nhiệm vụ KH&CN bao gồm một nhóm các Đề tài, Dự án SXTN gắn kết hữu cơ, đồng bộ được tiến hành trong một khoảng thời gian nhất định nhằm giải quyết các mục tiêu cụ thể đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, thực hiện chiến lược phát triển KH&CN của tỉnh.

5. Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh: là Đề tài, Dự án SXTN được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh mục thực hiện, có mức đầu tư kinh phí lớn để tập trung giải

quyết những vấn đề có tính liên ngành, quy mô lớn, các nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, thực hiện chiến lược phát triển KH&CN của tỉnh.

### **Điều 3. Quy định chung về quản lý nhiệm vụ KH&CN**

1. Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh do Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý.

Sở KH&CN tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lý nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh.

2. Mỗi nhiệm vụ KH&CN chỉ có duy nhất 01 (một) tổ chức chủ trì và 01 (một) cá nhân chủ trì thực hiện.

3. Hồ sơ nhiệm vụ KH&CN và báo cáo khoa học tổng kết nhiệm vụ KH&CN được bảo vệ tối đa 02 (hai) lần.

Nếu sau 02 (hai) lần bảo vệ hồ sơ nhiệm vụ không đạt yêu cầu, Sở Khoa học và Công nghệ sẽ thông báo tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì khác thực hiện nhiệm vụ KH&CN này.

### **Điều 4. Tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN**

1. Đối với tổ chức

a) Các tổ chức có tư cách pháp nhân, có chức năng hoạt động phù hợp với lĩnh vực KH&CN của nhiệm vụ KH&CN đều có quyền được đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

Mỗi tổ chức được phép chủ trì thực hiện nhiều nhiệm vụ KH&CN.

b) Tổ chức không được đăng ký chủ trì nhiệm vụ KH&CN trong vòng 24 (hai bốn) tháng:

- Tính từ thời điểm tổ chức có từ 02 (hai) cá nhân trở lên đang trong thời gian không được đăng ký tham gia thực hiện nhiệm vụ KH&CN;

- Hoặc tính từ thời điểm tổ chức có từ 02 (hai) nhiệm vụ KH&CN trở lên kéo dài thời gian thực hiện nhiệm vụ KH&CN từ 07 (bảy) tháng trở lên so với Hợp đồng KH&CN mà không có ý kiến chấp thuận của cơ quan quản lý nhiệm vụ KH&CN.

2. Đối với cá nhân

a) Cá nhân đăng ký chủ trì nhiệm vụ KH&CN phải có chuyên môn cùng lĩnh vực KH&CN với nhiệm vụ KH&CN đó, trình độ đại học trở lên và phải đảm bảo đủ thời gian để chủ trì thực hiện công việc nghiên cứu (phải có văn bản xác nhận của cơ quan chủ quản hoặc xác nhận của chính quyền địa phương, nếu không thuộc một tổ chức).

Mỗi cá nhân chỉ được phép chủ trì không quá 01 (một) nhiệm vụ KH&CN bắt đầu thực hiện trong cùng một năm kế hoạch.

b) Cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN không được đăng ký tham gia thực hiện nhiệm vụ KH&CN trong vòng 24 (hai bốn) tháng:

- Tính từ thời điểm có Kết luận của Hội đồng đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh ở mức “*Không đạt*”;

- Hoặc từ thời điểm có Kết luận của Hội đồng đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh từ mức “Đạt” trở lên (áp dụng trong trường hợp quá trình thực hiện nhiệm vụ KH&CN kéo dài thời gian từ 07 (bảy) tháng trở lên so với Hợp đồng KH&CN mà không có ý kiến chấp thuận của cơ quan quản lý nhiệm vụ KH&CN);

- Hoặc từ thời điểm có quyết định đình chỉ thực hiện nhiệm vụ KH&CN;

- Hoặc từ thời điểm hoàn trả đầy đủ kinh phí thu hồi theo Hợp đồng KH&CN thực hiện các Dự án SXTN (áp dụng trong trường hợp quá trình hoàn trả kinh phí thu hồi bị chậm trễ).

Cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN cũng không được đăng ký tham gia thực hiện nhiệm vụ KH&CN trong khoảng thời gian sau:

- Nhiệm vụ KH&CN kéo dài thời gian từ 07 (bảy) tháng trở lên so với Hợp đồng KH&CN đến khi nhiệm vụ KH&CN được đánh giá, nghiệm thu cấp tỉnh mà không có ý kiến chấp thuận của cơ quan quản lý nhiệm vụ KH&CN;

- Từ khi kinh phí thu hồi từ các Dự án SXTN bị chậm so với Hợp đồng KH&CN đến khi hoàn trả đầy đủ.

### **Điều 5. Các Hội đồng KH&CN**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh uỷ quyền cho Giám đốc Sở KH&CN quyết định thành lập các Hội đồng KH&CN (sau đây gọi tắt là Hội đồng) cấp tỉnh.

Hội đồng được thành lập theo từng nhiệm vụ KH&CN và tương ứng với từng nội dung như sau:

a) Tư vấn xác định danh mục nhiệm vụ KH&CN.

b) Mở hồ sơ nhiệm vụ KH&CN tuyển chọn.

c) Tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN tuyển chọn.

d) Xét duyệt nhiệm vụ KH&CN.

e) Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

2. Phương thức hoạt động của các Hội đồng cấp tỉnh thực hiện theo Quyết định số /2009/QĐ-UBND, ngày tháng 02 năm 2009 của Ủy ban Nhân dân tỉnh. về việc ban hành “Quy chế phương thức hoạt động của các Hội đồng Khoa học và Công nghệ cấp tỉnh”.

## **Chương II XÁC ĐỊNH VÀ PHÊ DUYỆT DANH MỤC NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

### **Điều 6. Xác định danh mục nhiệm vụ KH&CN**

1. Tập hợp đề xuất nhiệm vụ KH&CN

a) Nhiệm vụ KH&CN được đề xuất từ các nguồn:

- Yêu cầu của Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh;

- Đề xuất của các thành viên Hội đồng khoa học và công nghệ tỉnh;
- Đề xuất của các huyện, thành phố, các sở, ban, ngành, các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội, các hội nghề nghiệp;
- Các Viện nghiên cứu, Trường Đại học, tổ chức KH&CN;
- Các doanh nghiệp, tổ chức khác;
- Các tổ chức, cá nhân các nhà khoa học.

b) Yêu cầu nhiệm vụ KH&CN đề xuất phải làm rõ:

- Tên nhiệm vụ KH&CN;
- Tính cấp thiết và tính khả thi;
- Có mục tiêu rõ ràng;
- Nội dung chính cần giải quyết;
- Dự kiến kết quả, sản phẩm đạt được;
- Dự kiến khả năng, địa chỉ áp dụng;
- Nhu cầu kinh phí cần thiết phải thực hiện;
- Các thông tin khác có liên quan (nếu có).

2. Sở KH&CN tập hợp danh mục đề xuất nhiệm vụ KH&CN trên cơ sở đảm bảo các nội dung: Tên nhiệm vụ KH&CN, mục tiêu, nội dung thực hiện, kết quả hoặc sản phẩm dự kiến sẽ đạt được, địa chỉ áp dụng, kinh phí thực hiện và các thông tin khác có liên quan (nếu có).

3. Danh mục đề xuất nhiệm vụ KH&CN hàng năm được Hội đồng tư vấn xác định danh mục nhiệm vụ KH&CN xem xét, phân tích để lựa chọn các nhiệm vụ KH&CN thực hiện trong năm.

### **Điều 7. Phê duyệt danh mục nhiệm vụ KH&CN**

Căn cứ ý kiến tư vấn của Hội đồng tư vấn xác định danh mục nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh; yêu cầu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội; khả năng cân đối ngân sách sự nghiệp KH&CN của tỉnh, Sở KH&CN tổng hợp, phân loại theo từng lĩnh vực, loại hình, phương thức thực hiện trình UBND tỉnh ra quyết định phê duyệt danh mục nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh hàng năm.

## **Chương III TUYỂN CHỌN, XÉT DUYỆT VÀ PHÊ DUYỆT NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

### **Điều 8. Tuyển chọn các tổ chức, cá nhân chủ trì các nhiệm vụ KH&CN tuyển chọn**

1. Trên cơ sở danh mục các nhiệm vụ KH&CN tuyển chọn đã được phê duyệt, Sở KH&CN thông báo các nhiệm vụ KH&CN tuyển chọn công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng trong khoảng thời gian 60 ngày làm căn cứ cho các tổ chức, cá nhân đăng ký tham gia tuyển chọn.

2. Sau khi hết thời gian nộp hồ sơ theo thông báo, Sở KH&CN thành lập Hội đồng mở hồ sơ nhiệm vụ KH&CN tuyển chọn.

Đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ mà nhiệm vụ KH&CN tuyển chọn không có hồ sơ nào nộp thì Sở KH&CN cho gia hạn thời điểm hết hạn nộp hồ sơ thêm 60 ngày.

Trường hợp kết quả làm việc của Hội đồng mở hồ sơ nhiệm vụ KH&CN tuyển chọn đối với một nhiệm vụ KH&CN tuyển chọn mà không có hồ tham gia dự tuyển nào đạt yêu cầu, Sở KH&CN thông báo tuyển chọn lại.

3. Căn cứ kết quả làm việc của Hội đồng mở hồ sơ nhiệm vụ KH&CN tuyển chọn, Sở KH&CN tổ chức các Hội đồng tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN tuyển chọn (kể cả trường hợp một nhiệm vụ KH&CN tuyển chọn chỉ có một hồ sơ tham gia dự tuyển).

Trường hợp kết quả làm việc của Hội đồng tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN tuyển chọn mà không lựa chọn được hồ sơ nào đạt yêu cầu thì Sở KH&CN tổ chức thông báo tuyển chọn lại nếu thấy cần thiết.

4. Trên cơ sở kết quả làm việc của Hội đồng tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN tuyển chọn, Sở KH&CN thông báo kết quả tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN tuyển chọn để các tổ chức, cá nhân trúng tuyển có trách nhiệm hoàn chỉnh hồ sơ nhiệm vụ KH&CN và nộp lại cho cơ quan quản lý nhiệm vụ KH&CN.

Trường hợp tổ chức, cá nhân trúng tuyển nhưng từ chối thực hiện thì nhiệm vụ KH&CN tuyển chọn này được giao cho tổ chức cá nhân có số điểm cao tiếp theo, nhưng vẫn phải đảm bảo số điểm theo quy định.

## **Điều 9. Xét duyệt các nhiệm vụ KH&CN**

### **1. Hướng dẫn xây dựng hồ sơ nhiệm vụ KH&CN chỉ định**

Sở KH&CN hướng dẫn các tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN chỉ định xây dựng hồ sơ, bao gồm: Đơn đăng ký chủ trì, thuyết minh, tóm tắt hoạt động KH&CN của tổ chức đăng ký chủ trì, lý lịch khoa học của cá nhân đăng ký chủ trì và các cá nhân đăng ký thực hiện chính, văn bản xác nhận về sự đồng ý của các tổ chức đăng ký phối hợp thực hiện, các văn bản khác (nếu có), các văn bản pháp lý cam kết và giải trình khả năng huy động vốn từ nguồn khác đối với Dự án SXTN.

### **2. Tổ chức Hội đồng xét duyệt nhiệm vụ KH&CN chỉ định và tuyển chọn**

a) Đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ, nếu tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN chỉ định vi phạm các quy định tại Điều 4 Quy chế này thì nhiệm vụ KH&CN chỉ định này sẽ chuyển sang nhiệm vụ KH&CN tuyển chọn.

Sở KH&CN tiến hành tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN trên theo Điều 8 Quy chế này.

b) Đối với các tổ chức, cá nhân đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN chỉ định không vi phạm các quy định tại Điều 4 Quy chế này và nhiệm vụ KH&CN của tổ chức, cá nhân trúng tuyển từ nhiệm vụ KH&CN tuyển chọn, Sở KH&CN tổ chức các Hội đồng xét duyệt nhiệm vụ KH&CN.

3. Trên cơ sở ý kiến kết luận của Hội đồng xét duyệt nhiệm vụ KH&CN, Sở KH&CN thông báo đến tổ chức, cá nhân để có trách nhiệm hoàn chỉnh hồ sơ nhiệm vụ KH&CN và nộp lại cho cơ quan quản lý làm cơ sở cho việc thẩm định dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

#### **Điều 10. Thẩm định dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN**

1. Sở KH&CN chịu trách nhiệm thẩm định dự toán kinh phí theo chế độ quy định hiện hành, xác định tổng kinh phí cần thiết để thực hiện nhiệm vụ KH&CN, làm cơ sở để xem xét phê duyệt nhiệm vụ KH&CN.

2. Đối với Dự án SXTN: Mức kinh phí hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước tối đa không quá 30% tổng mức kinh phí đầu tư mới cần thiết để thực hiện Dự án SXTN được cơ quan có thẩm quyền ra quyết định phê duyệt.

#### **Điều 11. Phê duyệt cho phép thực hiện các nhiệm vụ KH&CN**

1. Căn cứ kết quả làm việc của các Hội đồng tư vấn, tuyển chọn, xét duyệt nhiệm vụ KH&CN, của tổ thẩm định dự toán kinh phí, Sở KH&CN quyết định phê duyệt hoặc tổng hợp trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt cho phép thực hiện từng nhiệm vụ KH&CN:

+ Đối với các đề tài có tổng mức kinh phí từ 100 triệu đồng trở xuống: do Sở Khoa học và Công nghệ phê duyệt.

+ Đối với các đề tài có tổng mức kinh phí từ 100 triệu đồng trở lên: do Ủy ban Nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Quyết định phê duyệt là căn cứ pháp lý cho việc ký kết hợp đồng với tổ chức, cá nhân trúng tuyển hoặc được chỉ định để việc triển khai nhiệm vụ KH&CN.

Các tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN được quyền ký hợp đồng với các tổ chức hoặc cá nhân khác có khả năng triển khai một phần việc mà tổ chức không có đủ điều kiện thực hiện giải quyết.

### **Chương IV QUẢN LÝ VIỆC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

#### **Điều 12. Kiểm tra, giám sát và cấp kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN**

1. Sở KH&CN tổ chức kiểm tra định kỳ và đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ KH&CN về nội dung khoa học, tiến độ thực hiện và việc sử dụng kinh phí đã được phê duyệt. Trong trường hợp cần thiết, Giám đốc Sở KH&CN quyết định điều chỉnh nội dung; tổng mức kinh phí; thay đổi thời gian thực hiện cho phù hợp; hoặc chấm dứt việc thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

2. Tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN có trách nhiệm định kỳ 6 tháng/lần báo cáo Sở KH&CN (trước 31/5 và 15/10 hàng năm): Tình hình thực hiện các nội dung nhiệm vụ KH&CN; Tình hình sử dụng kinh phí; Kế hoạch hoặc phương án triển khai trong giai đoạn tiếp theo; Kiến nghị (nếu có).

3. Việc cấp kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN được quy định cụ thể trong hợp đồng KH&CN.

### **Điều 13. Đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện và quyết toán nhiệm vụ KH&CN**

1. Khi kết thúc nhiệm vụ KH&CN phải tổ chức nghiệm thu kết quả thực hiện để đánh giá những kết quả đạt được về nội dung, tiến độ thực hiện, khối lượng công việc, tiến độ ghi trong hợp đồng đã ký kết. Công tác đánh giá, nghiệm thu được tổ chức theo 02 (hai) cấp:

- Đánh giá, nghiệm thu cấp cơ sở: Thủ trưởng tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN thành lập Hội đồng đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở và tiến hành tổ chức nghiệm thu. Sau 15 ngày kể từ ngày nghiệm thu cấp cơ sở, tổ chức và cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN có trách nhiệm chuyển toàn bộ hồ sơ chuyên môn cho Sở KH&CN.

- Đánh giá, nghiệm thu cấp tỉnh: Sở KH&CN tổ chức Hội đồng đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh theo mục tiêu, nội dung, kết quả, tiến độ ghi trong hợp đồng đã ký kết.

Trên cơ sở kết quả đánh giá của các Hội đồng, căn cứ vào quá trình quản lý, UBND tỉnh uỷ quyền cho Giám đốc Sở KH&CN quyết định công nhận kết quả nhiệm vụ KH&CN.

2. Đối với kết quả nhiệm vụ KH&CN tuy không sử dụng Ngân sách Nhà nước nhưng có phạm vi ứng dụng rộng rãi trong tỉnh hoặc có ảnh hưởng đến lợi ích của tỉnh, quốc phòng - an ninh, môi trường, sức khỏe và đời sống của nhân dân cũng phải được Sở KH&CN tổ chức thẩm định trước khi ứng dụng.

3. Hợp đồng KH&CN được thanh lý khi kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN được Hội đồng đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh xếp loại “Đạt” trở lên. Các trường hợp khác được thực hiện theo các Điều, khoản ghi trong hợp đồng KH&CN.

### **Điều 14. Công bố, sử dụng và chuyển giao kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN**

1. Tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN tổ chức triển khai ứng dụng kết quả trong thực tiễn, hoặc bàn giao cho cơ quan, đơn vị được UBND tỉnh giao trách nhiệm tiếp nhận để tổ chức ứng dụng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Các cơ quan, đơn vị được UBND tỉnh giao nhiệm vụ ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN có báo cáo hàng năm (trước 15/11 hàng năm) đến Sở KH&CN về tình hình ứng dụng để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

3. Sở KH&CN có trách nhiệm lưu giữ, bảo quản các văn bản, tài liệu, hồ sơ đánh giá, nghiệm thu của nhiệm vụ KH&CN; Công bố danh mục kết quả các nhiệm vụ KH&CN đã được nghiệm thu trên Website của Sở; Đôn đốc, kiểm tra, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh việc ứng dụng kết quả nhiệm vụ KH&CN trong thực tiễn.

### **Điều 15. Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN**

Tổ chức và cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh có trách nhiệm đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN tại Sở KH&CN đã được công nhận chậm nhất 15 ngày kể từ ngày kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN được công nhận.

#### **Điều 16. Quyền sở hữu, quyền tác giả đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN**

1. Cơ quan quản lý nhà nước về KH&CN có quyền sở hữu, chuyển giao kết quả KH&CN đối với các nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước, nếu không có thoả thuận khác trong hợp đồng KH&CN.

2. Tổ chức, cá nhân trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN là tác giả của nhiệm vụ đó, nếu không có thoả thuận khác trong hợp đồng KH&CN.

### **Chương V KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT**

#### **Điều 17. Khen thưởng**

1. Đối với các tổ chức, cá nhân hoàn thành nhiệm vụ KH&CN đúng thời hạn, tạo nên những kết quả KH&CN xuất sắc sẽ được đề nghị các cấp có thẩm quyền xét khen thưởng theo quy định của Luật Thi đua khen thưởng.

2. Đối với các kết quả KH&CN tạo ra từ nhiệm vụ KH&CN được ứng dụng vào thực tế, góp phần đem lại hiệu quả lớn cho quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, sẽ được đề nghị UBND tỉnh khen thưởng và xem xét hỗ trợ kinh phí để tổ chức, cá nhân nhân rộng từ nguồn ngân sách sự nghiệp KH&CN tỉnh.

**Điều 18. Khiếu nại, tố cáo:** Việc khiếu nại, tố cáo vi phạm Quy chế quản lý các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh được thực hiện theo quy định của Luật Khiếu nại, tố cáo.

#### **Điều 19. Xử lý vi phạm**

1. Các tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN trong quá trình tổ chức, thực hiện nhiệm vụ KH&CN nếu vi phạm quy định của Luật Khoa học - Công nghệ, hợp đồng KH&CN và Quy chế này thì bị xử lý theo các quy định pháp luật hiện hành.

2. Các tổ chức, cá nhân không làm tròn trách nhiệm quản lý Nhà nước về KH&CN trong quá trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao thì bị xử lý theo các quy định pháp luật hiện hành.

### **Chương VI ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 20. Vận dụng Quy chế**

Cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ thuộc các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thành phố vận dụng Quy chế này để xây dựng,

trình các cơ quan có thẩm quyền ban hành Quy chế về quản lý các nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở thuộc phạm vi quản lý.

**Điều 21. Tổ chức thực hiện:**

Giao Giám đốc Sở KH&CN chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này; xây dựng và trình UBND tỉnh ban hành quy chế về phương thức hoạt động của các Hội đồng KH&CN cấp tỉnh; xây dựng và trình UBND tỉnh ban hành các biểu mẫu thống nhất để thực hiện Quy chế này.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh về Sở KH&CN để kịp thời tổng hợp đề xuất trình UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

(đã ký)

**Trần Sỹ Thanh**